

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HC-PT**

Ngày: 26/01/2021

*“V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 09/2020/TLPT-HC ngày 10/11/2020 về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*, do người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2020/HC-ST ngày 16/9/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2020/QĐPT-HC ngày 23/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐ-PT ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trương Thanh H

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường E, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Huy H- Có mặt (Theo văn bản uỷ quyền 22/4/2020)

Địa chỉ: Số x Đường Trần C, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

Địa chỉ: Số x Ngõ Thì N, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thái V - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Theo văn bản uỷ quyền ngày 05/6/2020)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Địa chỉ: Số 0 Trường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L - Chức vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thống kê, thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020)

2. Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B.

Địa chỉ: Số p đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh P- Công chức địa chính UBND phường E, thành phố B: Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2020)

3. Ông Y S Byă - Có mặt

Địa chỉ: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2020 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Trương Thanh H trình bày:

Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 77,9m², tại địa chỉ phố x, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, mà gia đình ông đang sử dụng, có nguồn gốc do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị K vào ngày 16/10/1993, cùng với ngôi nhà cấp 4 trên đất; Hợp đồng chuyển nhượng được UBND xã E (nay là phường E) chứng thực vào ngày 19/10/1993; Từ năm 1993 đến nay, gia đình ông cư trú ổn định tại thửa đất nêu trên và không có tranh chấp.

Năm 2006, gia đình ông làm thủ tục kê khai, đăng ký thửa đất nêu trên, sử dụng vào mục đích đất ở, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp hồ sơ tại UBND phường E. Tuy nhiên, sau khi nộp hồ sơ, gia đình ông không nhận được thông báo hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với thửa đất nêu trên. Ngày 26/7/2019, gia đình ông nhận được Thông báo số: 3322/TB-CCT của Chi cục thuế thành phố B, thông báo tiền chậm nộp 96.301.033đồng và tiền sử dụng đất 67.188.751đồng đối với thửa đất nêu trên; Đối với số tiền sử dụng đất ghi ngày thông báo 27/12/2010, thực tế gia đình ông chưa nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 của Chi cục thuế thành phố B.

Ông H không đồng ý với thông báo nộp tiền sử dụng đất và thông báo tiền chậm nộp của Chi cục thuế thành phố B, vì thửa đất số 17 của gia đình ông được sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 15/10/1993 nên không phải nộp tiền sử dụng đất nên ông đã làm đơn khiếu nại. Ngày 06/9/2019, Chi cục thuế thành phố B ban hành văn bản số: 5046/CCT-TBTK giải quyết đơn khiếu nại của ông và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 và Thông báo tiền chậm nộp số: 3322/TB-CCT ngày 26/7/2019 của Chi cục thuế thành phố B; Buộc Chi cục thuế thành phố B hoàn trả cho gia đình ông số tiền sử dụng đất và số tiền chậm nộp, tổng cộng 163.489.784đồng, mà gia đình ông đã nộp vào ngày 26/7/2019.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Chi cục thuế thành phố B trình bày:

Ngày 07/12/2010, Chi cục thuế thành phố B nhận được phiếu chuyển thông tin địa chính mã số E2282 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B) yêu cầu xác định tài chính đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, tại phường E, thành phố B của gia đình ông Trương Thanh H được sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày 15/10/1993. Do đó phải nộp tiền sử dụng đất, được quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, thì ông H phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; Căn cứ vào các quy định nêu trên, Chi cục thuế thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính ông đối với ông H, phải nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là 67.188.751 đồng; Ngày 27/12/2010, Chi cục thuế thành phố B, ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với ông H và chuyển thông báo đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để gửi cho ông H; Do ông H không nộp tiền sử dụng đất, ngày 26/7/2019, Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo số: 3322/TB-CCT thông báo cho ông H số tiền chậm nộp 96.301.033 đồng là đúng với quy định của pháp luật; Việc ông H khởi kiện, Chi cục thuế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày:

Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, tại phường E, thành phố B, gia đình ông Trương Thanh H đang sử dụng có nguồn gốc: Năm 1985, Hợp tác xã Buôn AlêA cấp cho ông Phạm Bách D lô đất để làm nhà ở; Năm 1986, ông D xây dựng quán bán hàng trên đất; Năm 1992, ông D chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị K một phần diện tích đất cùng với quán bán hàng trên đất, được UBND xã E chứng thực vào ngày 13/3/1992; Ngày 16/10/1993, bà K chuyển nhượng thửa đất nêu trên, cùng với quán bán hàng trên đất cho vợ chồng ông Trương Thanh H, được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/10/1993; Từ ngày 19/10/1993 đến nay, gia đình ông H sử dụng thửa đất nêu trên vào mục đích đất ở.

Ngày 01/11/2006, gia đình ông H kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 17 vào mục đích đất ở, được UBND phường E chứng thực vào ngày 08/12/2009; Ngày 05/01/2010, UBND phường E chuyển hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để xem xét giải quyết; Do thửa đất số 17 của gia đình ông H, được sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày 15/10/1993 nên ngày 07/12/2010, Văn phòng đăng ký đất đai lập phiếu chuyển thông tin địa chính đến Chi cục thuế thành phố B, để xác định nghĩa vụ tài chính đối với ông H; Ngày 27/12/2010, Chi cục thuế thành phố B, ban hành thông báo cho ông H phải nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 17 là 67.188.751 đồng và chuyển thông báo đến Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã gửi thông báo nêu trên đến UBND phường E để gửi lại cho ông H; Ngày 25/01/2011, ông Y S là Trưởng buôn M, phường E đã giao thông báo nộp tiền sử dụng đất cho ông H, được thể hiện tại Báo cáo số: 05/BC-UBND ngày 07/01/2020 của UBND phường E; Do ông H không nộp tiền sử dụng đất, ngày

26/7/2019, Chi cục thuế thành phố B, ban hành thông cho ông H số tiền chậm nộp là 96.301.033đồng; Gia đình ông H đã nộp đủ tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 17 cho gia đình ông H; Việc ông H khởi kiện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường E, thành phố B trình bày:

Vợ chồng ông Trương Thanh H kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, tại phường E, thành phố B vào ngày 01/11/2006; Sau khi xem xét, bổ sung đầy đủ hồ sơ, ngày 05/01/2010, UBND phường E chuyển hồ sơ của ông H đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để xem xét, giải quyết; Ngày 25/01/2011, UBND phường E nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 của Chi cục thuế thành phố B về việc thông báo cho ông H nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 17; UBND phường E, đã giao thông báo nêu trên cho Y S Byă là Trưởng buôn M, phường E, để giao lại cho ông H; Việc ông H khởi kiện, UBND phường E đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y S Byă trình bày:

Ông là Trưởng buôn M, phường E; Trong tháng 01/2011, UBND phường E giao cho ông Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố B đối với ông Trương Thanh H và ông đã giao thông báo nêu trên cho ông H; Tuy nhiên, khi giao thông báo cho ông H, ông không yêu cầu ông H ký vào biên bản giao nhận thông báo.

Tại bản án số 04/2020/HC-ST ngày 16/9/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Áp dụng: Điều 2, Điều 11, Điều 12, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 130, Điều 146, Điều 149 Luật Tổ tụng Hành chính; Các điểm a, d khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 3 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H.

1. Huỷ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 của Chi cục thuế thành phố B và Thông báo tiền chậm nộp số: 3322/TB-CCT ngày 26/7/2019 của Chi cục thuế thành phố B.

2. Buộc Chi cục thuế thành phố B phải hoàn trả cho gia đình ông Trương Thanh H 163.489.784đồng mà gia đình ông H đã nộp vào ngân sách nhà nước vào ngày 26/7/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/10/2020 và ngày 13/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và người bị kiện là Chi cục thuế thành phố B có đơn kháng cáo cho rằng: Thửa đất số 17 của gia đình ông Trương Thanh H, được sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày

15/10/1993 nên phải nộp tiền sử dụng đất, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án; Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 77,9m², tại phường E, thành phố B, gia đình ông Trương Thanh H đang sử dụng có nguồn gốc: Năm 1985, Hợp tác xã AlêA cấp cho ông Phạm Bách D lô đất làm nhà ở; Năm 1986, gia đình ông D xây dựng quán bán hàng trên đất; Năm 1992, gia đình ông D chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị K diện tích đất có quán bán hàng, được UBND xã E xác nhận; Ngày 16/10/1993, bà K chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trương Thanh H diện tích đất có quán bán hàng trên đất, được UBND xã E xác nhận ngày 19/10/1993; Gia đình ông H sử dụng vào mục đích đất ở từ ngày 19/10/1993 đến nay; Mặc dù gia đình ông H nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên sau ngày 15/10/1993 nhưng có giấy tờ đứng tên người khác là đất được sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1985, được chính quyền địa phương xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất, được quy định tại các điểm a, d khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H, huỷ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 và Thông báo tiền chậm nộp số: 3322/TB-CCT ngày 26/7/2019 của Chi cục thuế thành phố B; Buộc Chi cục thuế thành phố B phải hoàn trả cho gia đình ông số tiền đã nộp 163.489.784 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, bác đơn kháng cáo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và đơn kháng cáo của Chi cục thuế thành phố B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét đơn kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H, yêu cầu kháng cáo của Chi cục thuế thành phố B và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, tại tổ dân phố X, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà gia đình ông H đang sử dụng, có nguồn gốc: Năm 1985, Hợp tác xã Buôn AlêA giao cho ông

Phạm Bách D lô đất để sử dụng vào mục đích đất ở; Năm 1986, gia đình ông D xây dựng căn nhà gỗ trên đất để ở và bán hàng hoá; Ngày 11/3/1992, vợ chồng ông Phạm Bách D chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị K thửa đất nêu trên cùng với căn nhà gỗ trên đất, được UBND xã E chứng thực ngày 13/3/1992; Bà K tiếp tục sử dụng đất và nhà vào mục đích để ở và bán hàng hoá; Ngày 16/10/1993, bà Khéo chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trương Thanh H, bà Nguyễn Thị N thửa đất số 17 cùng với căn nhà gỗ trên đất, được UBND xã E chứng thực ngày 19/10/1993; Gia đình ông H tiếp tục sử dụng vào mục đích đất ở cho đến nay. Như vậy, thửa đất số 17 được sử dụng vào mục đích đất ở liên tục từ năm 1985 đến nay, được UBND phường E xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch đất ở nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất, được quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

[4] Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và Chi cục thuế thành phố B cho rằng thửa đất số 17 của vợ chồng ông H đang sử dụng có nguồn gốc do Hợp tác xã Buôn AlêA giao đất cho ông Phạm Bách D để làm nhà ở từ năm 1985 nhưng ông D không sử dụng đất vào mục đích đất ở mà sử dụng làm quán bán hàng; Sau khi ông D chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà K, bà K cũng không sử dụng vào mục đích đất ở; Ngày 16/10/1993, bà K chuyển nhượng thửa đất số 17 cho vợ chồng ông H; Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông H mới sử dụng thửa đất số 17 vào mục đích đất ở là sau ngày 15/10/1993 nên gia đình ông H phải nộp tiền sử dụng đất được quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, số tiền phải nộp được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Do đó, ngày 27/12/2010, Chi cục thuế ban hành thông báo gia đình ông H phải tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 17, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 67.188.751đồng và ngày 26/7/2019 ban hành thông báo số tiền chậm nộp 96.161.672đồng; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, không phù hợp với thực trạng quá trình sử dụng đất ở liên tục của gia đình ông D, bà K, gia đình ông H đối với thửa đất số 17, được quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Như vậy, Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 của Chi cục thuế thành phố B, buộc gia đình ông Trương Thanh H phải nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 17 đã vi phạm khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Vi phạm điểm a khoản 4 điều 3 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H, xử huỷ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 và Thông báo tiền chậm nộp số: 3322/TB-CCT ngày 26/7/2019 của Chi cục thuế thành phố B; Buộc Chi cục thuế thành phố B phải hoàn trả cho gia đình ông Trương Thanh H số tiền đã nộp 163.489.784đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục thuế thành phố B và kháng cáo

của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Trong vụ án này, Văn bản số: 5045/CCT-TBTK ngày 06/9/2019 của Chi Cục thuế thành phố B, trả lời đơn khiếu nại bà Trần Thị N là vợ ông Trương Thanh H về việc khiếu nại Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010; Văn bản số: 5045/CCT-TBTK chứa đựng nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại nên được xem là Quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục thuế thành phố B. Toà án cấp sơ thẩm xử huỷ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 nhưng không huỷ Văn bản số: 5045/CCT-TBTK ngày 06/9/2019 của Chi Cục thuế thành phố B là thiếu sót, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính, cần rút kinh nghiệm. Do Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét và huỷ Văn bản số: 5045/CCT-TBTK nên Toà án cấp phúc thẩm không thể xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Chi cục thuế thành phố B và kháng cáo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B không được Toà án chấp nhận nên Chi cục thuế thành phố B và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính: Bác kháng cáo của Chi cục thuế thành phố B và kháng cáo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Các điểm a, b khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H.

1. Hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 27/12/2010 và Thông báo tiền chậm nộp số: 3322/TB-CCT ngày 26/7/2019 của Chi cục thuế thành phố B; Buộc Chi cục thuế thành phố B phải hoàn trả cho gia đình ông Trương Thanh H số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 26/7/2019 là 163.489.784đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Chi cục thuế thành phố B phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B phải chịu 300.000đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai số: 0013148 ngày 22/10/2020 và 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0013045 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huân